

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 02 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thuận.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Vũ Thị H trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 21-9-2001. Năm 2004, vợ chồng chuyển đến sinh sống tại khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng có ba con chung là Đỗ Lan

A, sinh ngày 05-11-2002, Đỗ Minh T, sinh ngày 10-7-2005 và Đỗ Gia B, sinh ngày 21-9-2011.

Từ sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông H không hạnh phúc. Vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do ông H ham nhậu nhẹt, chơi cờ bạc gây nợ nần cho gia đình dẫn đến cãi vã nhau. Khi vợ chồng cãi vã, ông H thường đánh đập, đe dọa bà dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, tình cảm vợ chồng nhạt nhẽo. Từ tháng 7-2021, bà và các con đã dọn về sinh sống với cha mẹ đẻ của bà. Trong thời gian sống ly thân, ông H có thăm, chu cấp trực tiếp cho các con và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bà không đồng ý.

Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên yêu cầu Toà giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Khi ly hôn, bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung Đỗ Minh T và Đỗ Gia B, yêu cầu ông Đỗ Văn H cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Nay bà thay đổi mức cấp dưỡng yêu cầu là 1.000.000đ/con/tháng. Con chung Đỗ Lan A đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Hiện nay, bà làm công việc bán hàng hải sản, thu nhập khoảng 15.000.000đ/tháng (mười lăm triệu đồng mỗi tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn H khai như sau:

Ông H thống nhất với lời khai của bà H về thời điểm chung sống, kết hôn và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng: Từ đầu năm 2021, ông và bà H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan hệ giữa ông và gia đình vợ không hài hòa, gia đình vợ có thái độ coi thường ông. Khi vợ chồng mâu thuẫn, gia đình vợ không động viên cho vợ chồng đoàn tụ mà ủng hộ cho bà H ly hôn với ông. Thời gian gần đây, vợ chồng hay cãi vã do ông có chơi cờ, không quan tâm đến vợ con. Trong khi cãi vã do nóng tính nên ông có đánh, đe dọa bà H. Từ khoảng tháng 6-2021, bà H đưa các con về sống cùng với cha mẹ đẻ của bà H. Trong thời gian ly thân, ông có đến thăm và chu cấp cho các con. Đối với yêu cầu ly hôn của bà H thì ông không đồng ý, ông muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Trường hợp bà H nhất quyết ly hôn thì ông cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Đỗ Minh T và Đỗ Gia B, yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi hai con 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng) cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Con chung Đỗ Lan A đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Hiện nay, ông làm công việc tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Từ khi xảy ra dịch bệnh thì ông không làm công việc gì.

Về tài sản chung: Nếu bà H cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu Toà chia tài sản chung vợ chồng là phần diện tích đất có kích thước 5 x 32,5m và căn nhà cấp 4 trên đất tọa lạc tại tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (BL 30). Tuy nhiên, ông H không nộp đơn yêu cầu để Toà án xem xét giải quyết và không đến làm việc, hoà giải theo giấy triệu tập của Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt nhiều lần, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông H. Về con chung: Giao hai con chung Đỗ Minh T và Đỗ Gia B cho bà H trực tiếp nuôi, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi; con chung Đỗ Lan A đã thành niên nên không xem xét. Tài sản chung: Không không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Đỗ Văn H nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của bà H, Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 21 tháng 9 năm 2001 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở

để xác định: Bà Vũ Thị H và ông Đỗ Văn H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Xét lời khai của bà H và ông H trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của bà H tại phiên tòa nhận thấy bà H và ông H đều thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và đã sống ly thân. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải thì ông H nhiều lần vắng mặt. Xét lời khai của ông H tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải, mặc dù có nguyện vọng đoàn tụ nhưng bản thân ông có hành vi bạo lực gia đình, không có ý thức xây dựng cuộc sống chung. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên đoàn tụ gia đình nhưng bà H cương quyết yêu cầu ly hôn.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông H là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà H đối với ông H.

[2.2] Về con chung: Căn cứ các Giấy khai sinh số 122 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 28-11-2002; Giấy khai sinh số 79 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 13-8-2005; Giấy khai sinh số 108 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 14-10-2011, có cơ sở để xác định: Bà H và ông H có ba con chung là Đỗ Lan A, sinh ngày 05-11-2002, Đỗ Minh T, sinh ngày 10-7-2005 và Đỗ Gia B, sinh ngày 21-9-2011.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi và yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con chung Đỗ Minh T và Đỗ Gia B của bà H: Lời khai của bà H xác định từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, các con chung sống với mẹ, được chăm sóc, đi học đầy đủ, bà H hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đồng thời các cháu Đỗ Minh T và Đỗ Gia B đều có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Từ những phân tích trên đây, bà H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nên có quyền yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; ông H không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; đồng thời việc cấp dưỡng nuôi con là cần thiết để đảm bảo nhu cầu sinh hoạt, học tập của các cháu Đỗ Minh T, Đỗ Gia B.

Về mức cấp dưỡng: Tại phiên tòa, bà H thay đổi mức cấp dưỡng từ 1.500.000đ/tháng thành 1.000.000đ/tháng. Xét thấy mức cấp dưỡng thay đổi là phù hợp với thực tế thu nhập lao động tại địa phương, thu nhập của ông H cũng như bảo đảm nhu cầu sinh hoạt, học tập của các cháu Đỗ Minh T, Đỗ Gia B.

Từ những phân tích trên đây, để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Đỗ Minh T và Đỗ Gia B cho bà H trực tiếp nuôi, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung Đỗ Minh T và Đỗ Gia B 1.000.000đ/tháng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Con chung Đỗ Lan A đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Bà H không yêu cầu nên xem xét.

Ông H không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác nếu ông H có yêu cầu theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của bà Vũ Thị H đối với ông Đỗ Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Đỗ Văn H.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao các cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 10-7-2005 và Đỗ Gia B, sinh ngày 21-9-2011 cho bà Vũ Thị H trực tiếp nuôi; ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung Đỗ Minh T và Đỗ Gia B 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Con chung Đỗ Lan A đã thành niên nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp

luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị H chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 5505 ngày 14-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong án phí.

Ông Đỗ Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16-02-2022), nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Thị Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Thường

